

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HÀNH
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13 /2023/DS-ST
Ngày 31-7-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Tấn Hùng
2. Bà Võ Thị Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Nha - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2023/TLST- DS, ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST- DS, ngày 20 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà NTHL, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ dân phố P, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** ông TMT, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ dân phố PB, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà NTHL trình bày:

Vào ngày 02 tháng 11 năm 2014 âm lịch, tức là ngày 23/12/2014 dương lịch, ông TMT, trú tại Tổ dân phố PB, thị trấn , huyện N, tỉnh Quảng Ngãi có vay của bà số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng). Khi vay tiền của bà thì

ông T có viết giấy mượn tiền. Tại Giấy mượn tiền ông T ghi thời hạn vay là một năm kể từ ngày viết giấy, trong giấy không ghi thỏa thuận về tiền lãi, chỉ thỏa thuận bằng lời nói là ông T sẽ trả lãi cho bà.

Về tiền nợ gốc, qua thời hạn trả nợ thì bà có đến đòi nợ nhiều lần, nên trong năm 2017 ông T đã trả góp cho bà 05 lần tổng cộng 09.000.000đồng (Chín triệu đồng), cụ thể: Ngày 04/4/2017 ông T trả 03.000.000 đồng, ngày 06/6/2017 ông T trả 1.500.000 đồng, ngày 07/7/2017 ông T trả 1.500.000 đồng, ngày 15/8/2017 ông T trả 1.500.000 đồng; ngày 09/10/2017 ông T trả 1.500.000 đồng.

Về tiền lãi, kể từ ngày vay tiền đến nay ông T chưa trả tiền lãi cho bà.

Từ cuối năm 2017 đến nay, bà L đã nhiều lần đến nhà yêu cầu ông TMT phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng đến nay ông T vẫn không chịu trả nợ cho bà.

Vì vậy, nay bà NTHL yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà ông TMT phải có nghĩa vụ trả cho bà NTHL số tiền nợ gốc 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng), bà NTHL không yêu cầu ông T phải trả lãi.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập bị đơn ông TMT đến Tòa án để giải quyết vụ án; nhưng ông T đều vắng mặt, nên không có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung vụ án:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 40, Điều 466, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/ NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà NTHL; buộc ông TMT phải trả số tiền đã mượn 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng) cho bà NTHL. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông TMT có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố Phú Bình Trung, thị trấn Chợ Chùa, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành được quy định tại Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2.1] Tại “Giấy mượn tiền” lập ngày ngày 02 tháng 11 năm 2014 âm lịch ông TMT có ghi địa chỉ thường trú ở Tổ dân phố PB, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Tại đơn khởi kiện, bà NTHL đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông T.

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 của Bộ luật dân sự năm 2015 thì “Trường hợp một bên trong quan hệ dân sự thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ thì phải thông báo cho bên kia biết về nơi cư trú mới”.

Theo điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, theo địa chỉ được ghi trong giao dịch hợp đồng bằng văn bản thì được coi là đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở”. Trường hợp người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tổng đạt được cho bị đơn”.

Nhưng ông T đã bỏ đi khỏi địa phương, thay đổi nơi cư trú mới mà không thông báo cho bà L biết về nơi cư trú mới, nên theo quy định tại Khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự; điểm a Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP, ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao quy định thì được coi là cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, vụ án sẽ được xét xử theo thủ tục chung.

Theo Biên bản xác minh ngày 21/12/2022, Trưởng công an thị trấn C cho biết ông TMT có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố PB, thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Hiện địa phương không có thông tin gì về việc thay đổi nơi cư trú của ông T.

[2.2] Bị đơn ông TMT đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng đều vắng mặt. Tại phiên tòa ngày 07/7/2023, ông TMT vắng mặt, căn cứ vào Khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa, ngày 31/7/2023 ông T tiếp tục vắng mặt, không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà NTHL cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là bản chính “Giấy mượn tiền” lập ngày 02/11/2014 âm lịch có tên người viết giấy và ký giấy mượn tiền là ông TMT. Tòa án đã thực hiện niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ở, Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú của ông TMT và tại Tòa án, nhưng ông TMT không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà NTHL, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho quyền lợi của mình.

Nay bà NTHL khởi kiện yêu cầu ông TMT phải có nghĩa vụ trả số tiền 61.000.000đồng (Sáu mươi một triệu đồng) còn nợ là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Bà NTHL không yêu cầu ông T phải trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của bà NTHL được chấp nhận. Hội đồng xét xử tuyên buộc ông TMT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.050.000đồng (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), cụ thể $61.000.000đ \times 5\% = 3.050.000đ$, theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bà L thuộc trường hợp người cao tuổi nên đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hành là đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 3 Điều 40; Điều 463; Điều 466; Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQHĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà NTHL, buộc ông TMT phải trả cho bà NTHL số tiền là 61.000.000đồng (Sáu mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành

án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật quy định khác.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông TMT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.050.000đồng (Ba triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện Nghĩa Hành;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Bình